TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/DS-PT
Ngày 19 – 4 – 2021
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 76/2020/QĐ-PT ngày 14 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trương Công C, sinh năm 1926. Địa chỉ: đường T, Khóm 5, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông C: Bà Trương Thị H, sinh năm 1953. Địa chỉ: Ấp 14, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Văn bản ủy quyền ngày 26/11/2018 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông C: Ông Dương Chí N là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn*: 1. Ông Phan Thành H, sinh năm 1940

2. Bà Lâm Thị N, sinh năm 1944

Cùng địa chỉ: đường T, Khóm 5, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông H, bà N: Ông Phan Thành N (T), sinh năm 1971. Địa chỉ: đường T, Khóm 5, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của bị đơn bà N: Bà Tạ Nguyệt T là Luật sư Công ty Luật Hợp Danh Tạ Nguyệt T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Phan Thành N (T), sinh năm 1971 (có mặt).

2. Bà Trần Kiều T, sinh năm 1975 (có mặt).

3. Anh Phan Thành D, sinh năm 1992 (vắng mặt).

4. Anh Phan Thành P, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: đường T, Khóm 5, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Ông Trương Công C là nguyên đơn và bà Lâm Thị N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2018, các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Trương Thị H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ông Trương Công C có diện tích đất 135,1m^2 thửa đất số 9, tờ bản đồ số 26, tại đường T, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 785330 vào ngày 14/11/2017. Nguồn gốc diện tích đất trên do ông C nhận chuyển nhượng từ ông Phan Thành H và bà Lâm Thị N vào năm 1996, toàn bộ hợp đồng chuyển nhượng đã thực hiện xong. Đến năm 1997, khi xây nhà ông có chừa lại một phần đất phía sau căn nhà do sợ sụp lún vì đất của ông có vị trí nằm sát cái ao của gia đình bà N, khoảng đất trống này ông C làm nơi gắn máng xối để hứng nước mưa. Một thời gian sau khi chuyển nhượng đất cho ông C, gia đình bà N đã san lấp ao trên và cách đây khoảng 10 năm gia đình bà N dùng thiếc che tạm phía trên phần đất tranh chấp để làm sàn rửa chén bên dưới, sự việc này ông C có biết nhưng do thấy gia đình bà N chỉ che tạm để sử dụng và lúc này ông C và bà N, ông H còn quan hệ rất thân thiết nên ông không có ý kiến gì. Tuy nhiên, đến khoảng đầu năm 2019, gia đình bà N xây dựng lại nhà kiên cố bao gồm cả diện tích đất tranh chấp, khi biết được sự việc gia đình ông C có ngăn cản nhưng gia đình bà N vẫn tiến hành xây dựng đồng thời tự ý tháo dỡ máng xối của ông C. Do đó, nay ông C yêu cầu ông H và bà N trả lại diện tích đất lấn chiếm chiều ngang 7m x dài 0,65m.

Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án qua đo đạc thực tế xác định diện tích đất tranh chấp là 5,10m^2 nên nay ông C xác định diện tích đất bị lấn chiếm là 5,10m^2 và yêu cầu Tòa án buộc ông H và bà N trả lại quyền sử dụng diện tích đất 5,10m^2, thuộc thửa đất số 09, tờ bản đồ số 26, tại Khóm 5,

Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Đối với chiếc máng xối bằng thiếc đã cũ hiện không còn giá trị nên ông C không có yêu cầu bồi thường.

Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt toàn bộ các văn bản tố tụng và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho bị đơn ông H, bà N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông N, bà T, anh D và anh P. Tuy nhiên, các đương sự này không nộp tài liệu chứng cứ và cũng không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ông Phan Thành N và bà Trần Kiều T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án thống nhất trình bày: Diện tích đất tranh chấp 5,10m^2 đất thuộc thửa đất số 09, tờ bản đồ số 26 tại Khóm 5, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu là của cha mẹ ông bà là ông Phan Thành H và bà Lâm Thị N không phải đất của ông C như lời bà H trình bày, bởi khi chuyển nhượng đất cho ông C cha mẹ ông bà đã giao đủ đất cho gia đình ông C và khi xây dựng nhà gia đình ông C cũng đã xây hết diện tích đất chuyển nhượng đồng thời xây tường bao quanh bịt kín phía sau không chừa cửa ra, cũng không cặm ranh hay xây rào bao quanh đất của mình mà đến khi gia đình ông bà cất nhà mới phát sinh tranh chấp là không đúng nên ông N và bà T không đồng ý giao trả đất theo yêu cầu của ông C.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 97, Điều 99, khoản 5 và khoản 7 Điều 166, Điều 202, Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Công C đối với bà Lâm Thị N và ông Phan Thành H giao trả diện tích đất 3,30m^2 thuộc thửa đất số 09, tờ bản đồ số 26, đường T, Khóm 5, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Công C đối với bà Lâm Thị N và ông Phan Thành H giao trả diện tích đất 1,80m^2 thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 26 tại đường T, Khóm 5, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Buộc bà Lâm Thị N và ông Phan Thành H có trách nhiệm trả cho ông Trương Công C giá trị quyền sử dụng diện tích đất 3,30m^2 đất đã nêu trên với số tiền là 104.610.000 đồng (một trăm lẻ bốn triệu sáu trăm mười ngàn đồng).

3. Giao bà Lâm Thị N và ông Phan Thành H được quyền sử dụng diện tích đất 3,30m^2 thuộc thửa đất số 09, tờ bản đồ số 26, đất có vị trí cụ thể như sau:

Phía bắc giáp thửa số 07 có số đo 0,70m

Phía nam giáp thửa số 10 có số đo là 0,24m + 0,10m

Phía đông giáp thửa số 10 có số đo là 6,80m

Phía tây giáp thửa số 09 có số đo là 6,90m.

(Có bản vẽ mặt bằng hiện trạng đất tranh chấp kèm theo)

4. Bà Lâm Thị N và ông Phan Thành H có quyền đi đăng ký biến động đối với diện tích 3,30m^2, đất có vị trí tứ cạnh như đã nêu trên theo quy định pháp luật.

Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 785330 cho ông Trương Công C vào ngày 14/11/2017 phù hợp với hiện trạng sử dụng đất của ông Trương Công C.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí, về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, nguyên đơn ông Trương Công C kháng cáo nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, buộc đồng bị đơn trả lại đất, không đồng ý nhận giá trị đất.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, bị đơn bà Lâm Thị N kháng cáo nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trương Thị H và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Phan Thành N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Trương Công C trình bày: Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ xác định đất do ông H, bà N chuyển nhượng cho ông C năm 1996, đến năm 1997, ông C xây dựng nhà không sử dụng hết phần đất đã chuyển nhượng, ông C có chừa phía sau khoản 1m ngang do là ao đìa sợ sạt lỡ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông C diện tích 135,1m^2, lời khai của ông Trương Văn T là người xây dựng nhà cho ông C xác định ông C không xây hết phần đất của mình, phần đó ông C sử dụng làm máng xối nước. So với bản vẽ đo đạc đất tranh chấp thì đất ông C không đủ như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn giao trả diện tích đất 5,10m^2 là có căn cứ. Phần đất này ông C có kê khai đăng ký và được cấp quyền sử dụng đất 3,3m^2. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, buộc bị đơn trả diện tích đất 5,1m^2 cho nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Lâm Thị N trình bày: Phần đất tranh chấp cả hai bên không thay đổi diện tích đất tranh chấp, án sơ thẩm xác định phần đất thuộc quyền sử dụng của ai thì giao cho người đó. Phía nguyên đơn có lúc xác định yêu cầu đất, có lúc xác định khi mua đất phía bị đơn giao đất thiếu. Phía nguyên đơn cũng thừa nhận khi ông C xây cất nhà thì đã xây tường bao bọc xung quanh từ năm 1997, giữa hai bên không nhìn thấy nhau, phần đất phía sau nguyên đơn cũng thừa nhận là do bị đơn sử dụng, không ai tranh chấp. Hiện nay hai bức tường của hai nhà xây kiên cố sát nhau. Từ năm 1996, hai bên đã sử dụng ổn định, phía nguyên đơn cho rằng có chừa phía sau 1m hay không chúng tôi không biết. Theo Biên bản giao mốc năm 1996 nhà ông C xây dựng và xây tường phía sau cao hơn 2m, phần đất từ tường rào ra sau ông C không sử dụng, mà phần đất này bị đơn sử dụng từ trước đến nay và hai bên đã sử dụng ổn định đúng vị trí đất của mình từ năm 1996 đến nay, do đó có cơ sở xác định khi giao đất đã giao đủ, ông H bà N không có lấn đất ông C nên yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trương Công C và không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lâm Thị N; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến trình báy tranh luận của các đương sự cùng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn; ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Trương Công Cẩn và đơn kháng cáo của bị đơn bà Lâm Thị Nghiêm nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Trương Công Cẩn và bà Lâm Thị Nghiêm, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguồn gốc phần đất ông C sử dụng do nhận chuyển nhượng từ ông H, bà N từ năm 1996, đầu năm 1997 ông C xây cất nhà kiên cố sử dụng ổn định đến nay, phía sau nhà ông C xây tường xi măng, cột xi măng cốt thép bao bọc xung quanh là phần liền với kết cấu nhà, phần đất tranh chấp là từ mí ngoài tường rào nhà ông C ra sau.

Nguyên đơn ông C xác định ông H, bà N lấn chiếm phần đất của ông, nên khởi kiện yêu cầu ông H, bà N giao trả diện tích đất 5,10m^2. Nguyên đơn không đặt ra việc chuyển nhượng đất giữa các bên vào năm 1996, nên cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên vào năm 1996 là có căn cứ, nên cấp phúc thẩm cũng không đặt ra xem xét giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H, bà N với ông C trước đây.

Hiện trạng trên phần đất tranh chấp có cấu trúc tài sản như sau:

+ Một bức tường dày 100, tô một mặt, dán gạch cao 1,0m, cao 4,2m có diện tích 7m x 4,2m = 29,4m^2;

+ Một phần tolet dán gạch cao 1,8m; tường xây 100 tô hai mặt;

+ Mái tol kung sườn thép: 7m x 0,65m = 4,55m^2;

+ Nền nhà lót gạch Ceramic: 7m x 0,65m = 4,55m^2.

Các đương sự xác định phần cấu trúc tài sản nêu trên gắn liền với căn nhà của ông H, bà N xây dựng và quản lý sử dụng.

Xét thấy: Tại Biên bản giao mốc xây dựng công trình (bút lục 215) của Phòng quản lý đô thị thị xã B ngày 29/11/1996 thể hiện: Chủ công trình là ông Trương Công C, diện tích công trình dài 2,7m, 15,2m; rộng 1,8m, 5,2m; diện tích 83,9m^2; ranh giới hướng Đông ao của hộ số 35/5 bà Lâm Thị N, biên bản này có bà Lâm Thị N cùng ký. Như vậy, vào thời điểm xây dựng nhà, ông C đã xác định phần đất hướng Đông giáp với ao nhà bà N là của bà N. Từ đó có cơ sở xác định phần đất tranh chấp, ông H, bà N không có giao cho ông C, phần đất này vẫn thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông H, bà N; thực tế ông C cũng chưa sử dụng phần đất này từ trước đến nay.

Mặt khác, theo bản trích đo mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp thể hiện phần căn nhà ông Trương Công C xây dựng cạnh hướng Bắc có chiều dài tổng cộng 18.56m (không bao gồm phần đất tranh chấp), cạnh hướng Nam có chiều dài 18.77m (không bao gồm phần đất tranh chấp). Đối chiếu với phần đất ông C đang sử dụng (chiều 18,66m) với Biên bản giao mốc xây dựng công trình (chiều dài 17,90m) thì chiều dài phần đất ông C xây dựng thực tế đã lớn hơn so với Biên bản giao mốc xây dựng công trình. Quá trình tham gia phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông C xác định phần đất tranh chấp gia đình ông C không sử dụng từ khi nhận chuyển nhượng năm 1996 đến nay, phần đất này do gia đình bà N sử dụng khoảng trên 10 năm nay, phía gia đình ông C không có ngăn cản cho đến khi bà N xây dựng nhà kiên cố thì mới xảy ra tranh chấp.

[3] Từ những chứng cứ nêu trên, có căn cứ xác định toàn bộ phần đất tranh chấp có nguồn gốc của bị đơn ông H, bà N, phía nguyên đơn ông C không sử dụng từ trước đến nay, ông H, bà N không có giao phần đất này cho ông C. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với diện tích đất 3,30m^2 là chưa có cơ sở, mà xác định toàn bộ phần đất tranh chấp diện tích 5,10m^2 là thuộc quyền sử dụng của ông H, bà N, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trương Công C và

lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C; không có căn cứ chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên; có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lâm Thị N và lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và chi phí phô tô hồ sơ hoàn công nhà, theo quy định tại Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đương sự phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận. Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận nên chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và chi phí phô tô hồ sơ hoàn công nhà nguyên đơn phải chịu toàn bộ bằng số tiền 2.059.000 đồng.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Ông Phan Thành H và bà Lâm Thị N không phải chịu. Do ông Trương Công C là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí, nên được miễn nộp toàn bộ theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật Dân sự; Điều 97, 99, khoản 5 và khoản 7 Điều 1666; Điều 202, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trương Công C, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lâm Thị N; sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Công C đối với ông Phan Thành H và bà Lâm Thị N về việc đòi lại phần đất có diện tích 5,1m^2 thuộc thửa 09 và thửa số 10, tờ bản đồ 26, đất tọa lạc tại đường T, Khóm 5, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản tranh chấp tại cấp sơ thẩm số tiền 1.719.000 đồng và chi phí phô tô hồ sơ hoàn công nhà số tiền 340.000 đồng, tổng cộng là 2.059.000 đồng: Ông Trương Công C phải chịu toàn bộ, ông C đã nộp đủ và chi hết, nên không được hoàn lại.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương Công C được miễn nộp toàn bộ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thành phố B;
- CCTHADS thành phố B;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Thanh Dũng